

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 78/2020/HS-ST
Ngày: 28 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Đới,

2. Bà Trương Thị Kim Tiến,

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Sơn T, năm sinh: 1987; nơi sinh: Bến Tre; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: ấp H, xã HN, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không có; con ông: Nguyễn Minh Tr, sinh năm: 1936 (chết) và bà Nguyễn Phi L, sinh năm: 1947 (chết); anh, chị, em ruột: có 02 người chị, 01 người anh và 01 người em, lớn sinh năm 1969, nhỏ sinh năm 1989; vợ: Trần Thị Nhí, sinh năm 1994; có 02 người con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có.

Biện pháp ngăn chặn: bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/5/2020 cho đến nay. (có mặt)

2. Nguyễn Ngọc A, năm sinh: 1994; nơi sinh: An Giang; nơi đăng ký HKTT: Ấp T, phường MT, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, chỗ ở: Ấp X, xã Y, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: không có; con ông: Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1966 và bà: Nguyễn Thị Thủy G, sinh năm: 1973; anh, chị, em ruột: có 01 người em sinh năm 1996; bản thân chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có.

Biện pháp ngăn chặn: bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/5/2020 đến ngày 13/6/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh cho đến nay. (có mặt)

Bị hại: Trần Thị Bích H, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: 181/6/0 Âu Dương L, Phường O, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đỗ Minh T, sinh năm 1984, địa chỉ: 12/2 TC 1, phường TC, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

1. Trần Quang V, sinh năm 1990, địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An .

2. Đoàn Văn H, sinh năm 1985, địa chỉ: Ấp PH, xã PV, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 12/11/2019, Nguyễn Sơn T đến nhà trọ của Nguyễn Ngọc A thuê tại ấp Mới 2, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để cùng với A sử dụng trái phép chất ma túy. Sau khi cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy xong, do không có tiền tiêu xài nên T rủ A đi tìm tài sản của người khác để sơ hở bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. A đồng ý thực hiện. A sử dụng xe mô tô không có biển số của A chở T đến nhà trọ biển hiệu Nhị Xuân tại ấp Tràm X, xã Y, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Tại đây, T và A để lại xe mô tô không biển số của T ngoài cổng nhà trọ, T và A đi vào bên trong nhà trọ tìm kiếm tài sản trộm cắp. T không tìm được tài sản để trộm cắp nên quay ra cổng nhà trọ Nhị Xuân đợi A. A phát hiện xe mô tô biển số 54Y8-8188 của bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1974, HKTT: 181/60 Âu Dương L, phường O, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh đang dựng bên phải phòng trọ E21 (nhìn từ ngoài vào). Khoảng 10 phút sau thì A trộm cắp được xe mô tô biển số 54Y8-8188 dẫn bộ đến chỗ T đang đứng đợi và cùng với A tẩu thoát nhưng xe mô tô biển số 54Y8-8188 tắt máy nên T điều khiển xe mô tô không biển số của A dùng chân đẩy A cùng với xe mô tô biển số 54Y8-8188 đi được khoảng 200 mét thì dừng lại, A dùng chân đạp nổ máy xe mô tô biển số 54Y8-8188 bỏ chạy trước, T điều khiển xe mô tô không biển số chạy sau thì bị người dân phát hiện bắt giữ quả tang giao lại cho lực lượng công an xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 117/KL.ĐGTS ngày 19/11/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đức Hoà kết luận 01 xe mô tô biển số 54Y8-8188 trị giá thành tiền là 2.400.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 78/CT-VKSĐH ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Sơn T và

Nguyễn Ngọc A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà các bị cáo gây ra. Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo T và bị cáo A đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khA khai báo. Bị cáo A có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Nguyễn Sơn T, Nguyễn Ngọc A phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo T mức hình phạt từ 09 tháng - 12 tháng tù; xử phạt bị cáo A từ 06 tháng – 09 tháng tù.

Đồng thời đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Về tang vật chứng: Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả lại cho bà Trần Thị Bích H xe mô tô biển số 54Y8-8188 theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 20 tháng 11 năm 2019, là phù hợp.

- Xe mô tô mà A và T sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản có số máy C50E-435936 qua tra cứu phương tiện giao thông đường bộ không tìm thấy dữ liệu nên đề nghị tịch thu xung ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Trần Thị Bích H đã nhận lại tài sản mất trộm và không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị không đề cập, xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Sơn T và Nguyễn Ngọc A hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo A xin hưởng án treo.

Bị hại bà Hạnh trình bày tại Cơ quan điều tra: Bà là chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô biển số 54Y8-8188. bị Nguyễn Sơn T và Nguyễn Ngọc A lén lút chiếm đoạt. Nay Bà đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh T trình bày: Ông là chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô biển số 54Y8-8188. Cuối năm 2008, ông bán xe cho người phụ nữ nhưng không làm thủ tục sang tên. Nay, ông không yêu cầu gì, đồng thời xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không

có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Sơn T, Nguyễn Ngọc A trước Tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản xác định vật chứng; biên bản xác định địa điểm; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ và bảng ảnh hiện trường; lời khai bị hại; lời khai người làm chứng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng với bản kết luận về định giá tài sản số 117/KL.ĐGTS ngày 19/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa và phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Thấy rằng, bị cáo T và bị cáo A do muốn kiếm tiền tiêu xài cá nhân nên vào ngày 12/11/2019, các bị cáo lợi dụng sơ hở của bà Hạnh thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 54Y8-8188, có giá trị tài sản là 2.400.000 đồng, với hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp tài sản của bà Hạnh nên cần xử lý bằng pháp luật hình sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Sơn T, Nguyễn Ngọc A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Nguyễn Sơn T, Nguyễn Ngọc A với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo T và bị cáo A đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo. Bị cáo A có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên khi áp dụng hình phạt cho các bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần.

[4]. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, nhưng cũng cần phân tích vai trò của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho tương xứng với hành vi của từng bị cáo gây ra. Đối với bị cáo Nguyễn Sơn T là người đề xuất, rủ rê bị cáo Nguyễn Ngọc A cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo A là đồng phạm với bị cáo T trong vai trò người giúp sức, sau khi nghe bị cáo T rủ đi trộm cắp tài sản của người khác lẽ ra bị cáo phải ngăn cản nhưng ngược lại bị cáo lại đồng tình và thực hiện hành vi trộm cắp nên hình phạt của bị cáo T cao hơn bị cáo A. Hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo T, bị cáo A gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi này đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, quyền này được pháp

luật hình sự bảo vệ, nếu người nào cố tình xâm hại thì sẽ bị pháp luật trừng phạt, hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm hại trực tiếp đến tài sản thuộc sở hữu của bà Hạnh, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của các bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục - răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Do đó việc bị cáo A xin hưởng án treo là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Từ phân tích [3] và [4], xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Sơn T, Nguyễn Ngọc A là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về tang vật chứng: Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả lại cho bà Trần Thị Bích H xe mô tô biển số 54Y8-8188 theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 20 tháng 11 năm 2019 là phù hợp.

- Xe mô tô mà A và T sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản có số máy C50E-435936, không có số khung, không có biển số, qua tra cứu phương tiện giao thông đường bộ không tìm thấy dữ liệu nên tịch thu xung ngân sách nhà nước.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Trần Thị Bích H đã nhận lại tài sản mất trộm và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập, xem xét.

[7]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Sơn T, Nguyễn Ngọc A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Sơn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/5/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc A 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 13/5/2020 đến 13/6/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Sơn T 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/7/2020) để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về tang vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu xung ngân sách nhà nước xe mô tô có số máy C50E-435936, không có số khung, không có biển số.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo T, bị cáo A, mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Án này là sơ thẩm, các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Hồng Sơn

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hồng Sơn

